

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ**  
**KHOA LUẬT**



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ**  
**(LƯU HÀNH NỘI BỘ)**

**CẦN THƠ – 2018**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ**  
**KHOA LUẬT**

.....

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**  
**LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

**1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC**

- **Tên môn học:** Luật sở hữu trí tuệ
- **Đối tượng áp dụng:** + Ngành Luật kinh tế  
+ Bachelor: Đại học  
+ Hệ Chính quy
- **Số tín chỉ:** 02;      **Số tiết:** 30 tiết
- **Giảng viên phụ trách:** Bộ môn Luật Kinh tế
- **Địa chỉ Khoa Luật:** Phòng C1-01- Khu Hiệu Bộ - Số 168 – Đường Nguyễn Văn Cừ (nói dài) – Quận Ninh Kiều – Cần Thơ

**2. MỤC TIÊU CHUNG CỦA MÔN HỌC**

Sau khi học xong môn Luật sở hữu trí tuệ sinh viên có khả năng:

**2.1. Về kiến thức**

- Giúp sinh viên nhận biết vị trí của Luật sở hữu trí tuệ trong hệ thống pháp luật Việt Nam.
- Mô tả được hệ thống các khái niệm cơ bản liên quan đến SHTT.
- Nhận thức được đặc trưng cơ bản của mỗi bộ phận của quyền SHTT (quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả; quyền SHCN, quyền đối với giống cây trồng).
- Xác định được các yếu tố của quan hệ pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan, quyền SHCN, quyền đối với giống cây trồng (chủ thể; khách thể, nội dung quyền).
- Nắm được các căn cứ xác lập, chấm dứt quyền SHTT; thời hạn bảo hộ đối với các đối tượng SHTT...
- Nhận diện được các đối tượng khác nhau của quyền SHTT
- Nắm được các cách thức và điều kiện để chuyển giao quyền SHTT
- Mô tả được các biện pháp bảo vệ quyền SHTT.

**2.2. Về kỹ năng**

- Vận dụng được những quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế liên quan đến bảo hộ quyền SHTT
- Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp
- Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ;
- Có kỹ năng tư vấn pháp luật về trình tự, thủ tục, giải quyết
- Có khả năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; truyền tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện các nhiệm vụ trong hoạt động nghề nghiệp

### 2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- Phát triển khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm
- Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, độc lập nghiên cứu
- Trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân
- Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

### 2.4. Về thái độ

- Hình thành tính tự tin, tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu khoa học.
- Hình thành ý thức tôn trọng và bảo vệ quyền SHTT.
- Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học
- Kích thích niềm say mê sáng tạo trong các lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật, khoa học, sản xuất và kinh doanh.
- Rèn luyện thái độ nghiêm túc, tỉ mỉ trong nghiên cứu.
- Tạo ra thái độ đúng đắn trong việc nhận thức về tầm quan trọng của pháp luật và biết phê phán những hành vi vi phạm pháp luật.
- Có ý thức tuân thủ pháp luật và tuyên truyền pháp luật SHTT trong cộng đồng để góp phần nâng cao nhận thức của công chúng trong việc bảo hộ quyền SHTT.

## 3. MỤC TIÊU NHẬN THỨC CHI TIẾT

<i>Vấn đề/bậc nhận thức</i>	<i>Bậc 1</i>	<i>Bậc 2</i>	<i>Bậc 3</i>
<b><i>Vấn đề 1:</i></b> <b><i>Giới thiệu</i></b>	<b>1A1.</b> Nêu được khái niệm quyền SHTT: (1)	<b>1B1.</b> Phân tích được bản chất của quyền SHTT: (i)	<b>1C1.</b> Phân tích được mối quan hệ giữa

<p><b>tổng quan về quyền SHTT</b></p>	<p>theo nghĩa khách quan; (2) theo nghĩa chủ quan; (3) theo nghĩa là quan hệ pháp luật.</p> <p><b>1A2.</b> Trình bày được các đặc điểm của quyền SHTT: (1) Về đối tượng; (2) Về căn cứ xác lập quyền; (3) Về nội dung quyền; (4) Đặc điểm về chủ thể, khách thể, nội dung; (5) Về giới hạn quyền...</p> <p><b>1A3.</b> Nêu được 3 bộ phận cấu thành của quyền SHTT theo pháp luật Việt Nam.</p> <p><b>1A4.</b> Nhận diện được quan hệ nào thuộc quyền tác giả, quyền liên quan, quyền SHCN, quyền đối với giống cây trồng.</p> <p><b>1A5.</b> Nắm được sự hình thành và phát triển của hệ thống pháp luật SHTT trên thế giới.</p> <p><b>1A6.</b> Nêu được các giai đoạn phát triển của hệ thống pháp luật SHTT Việt Nam.</p> <p><b>1A7.</b> Nêu được các điều ước quốc tế quan trọng trong lĩnh vực SHTT mà Việt Nam là thành viên (sắp xếp theo từng lĩnh vực).</p>	<p>quyền tài sản có sự kết hợp với quyền nhân thân; (ii) mang tính độc quyền...</p> <p><b>1B2.</b> Phân tích được điểm giống và điểm khác giữa quyền SHTT và quyền sở hữu tài sản thông thường.</p> <p><b>1B3.</b> Phân biệt được sự khác nhau của quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền SHCN và quyền đối với giống cây trồng.</p> <p><b>1B4.</b> Xác định được đối tượng của quyền tác giả, quyền liên quan, quyền SHCN, quyền đối với giống cây trồng.</p> <p><b>1B5.</b> Phân tích được ý nghĩa, vai trò của việc bảo hộ quyền SHTT đối với sự phát triển của kinh tế - xã hội.</p>	<p>quyền SHTT và tài sản trí tuệ.</p> <p><b>1C2.</b> Hiểu được lí do của việc công nhận và bảo vệ quyền SHTT.</p> <p><b>1C3.</b> Phân tích, nhận xét được mối quan hệ giữa quá trình hình thành và phát triển của hệ thống pháp luật SHTT trên thế giới và sự phát triển của kinh tế-xã hội, khoa học-kỹ thuật và nền thương mại tự do.</p> <p><b>1C4.</b> Chứng minh được bảo hộ quyền SHTT là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế.</p> <p><b>1C5.</b> Nhận xét, phân tích được những đặc điểm của bảo hộ quyền SHTT trong bối cảnh toàn cầu hoá.</p> <p><b>1C6.</b> Phân tích được những lí do cơ bản dẫn đến hệ thống luật SHTT Việt Nam được phát triển và hoàn thiện không ngừng.</p>
---------------------------------------	--	---	---

	<p><b>1A8.</b> Trình bày được các loại nguồn của pháp luật SHTT Việt Nam.</p>		
<p><b><i>Vấn đề 2:</i></b> <b><i>Quyền tác giả và quyền liên quan</i></b></p>	<p><b>2A1.</b> Nêu được khái niệm tác giả, tác phẩm, quyền tác giả, quyền liên quan. Nêu được các quyền nhân thân thuộc quyền tác giả. Trình bày được 3 loại đối tượng của quyền liên quan. Nêu được 4 tiêu chí chung để xác định hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan.</p> <p><b>2A2.</b> Trình bày được các tiêu chí để phân loại tác phẩm và các quyền tài sản, quyền liên quan. Nêu được các dạng hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan cơ bản.</p> <p><b>2A3.</b> Trình bày được các điều kiện bảo hộ đối với tác giả, tác phẩm. Trình bày được các trường hợp sử dụng tác phẩm không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao. Nêu được điều kiện bảo hộ đối với từng đối tượng: cuộc biểu diễn; bản ghi âm, ghi hình; chương trình phát sóng.</p> <p><b>2A4.</b> Nêu được 2 loại chủ thể của quyền tác</p>	<p><b>2B1.</b> Nhận diện được những đối tượng được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan; những đối tượng không được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan. Chỉ ra được hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trong các tình huống cụ thể.</p> <p><b>2B2.</b> Nội dung của quyền tác giả, quyền liên quan. Cho được ví dụ về từng trường hợp tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện quyền tài sản như: quyền sao chép tác phẩm, quyền truyền đạt tác phẩm, quyền phân phối tác phẩm. Xác định được những hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan của bản thân và những người xung quanh mình.</p> <p><b>2B3.</b> Phân tích được mối quan hệ giữa tác phẩm gốc và tác phẩm phái sinh. Chỉ ra những hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trong môi trường kỹ thuật số.</p> <p><b>2B4.</b> Phân biệt được tác giả với những người hỗ trợ cho việc sáng tạo ra tác phẩm. Xác định được phạm vi hưởng quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền</p>	<p><b>2C1.</b> Nêu được quan điểm riêng của cá nhân về khái niệm tác giả, tác phẩm phái sinh, quyền tác giả, quyền liên quan và điều kiện bảo hộ. Tìm ra được các trường hợp ngoại lệ không bị coi là vi phạm quyền bảo vệ sự toàn vẹn đối với tác phẩm. Nhận xét được về thực trạng xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trong một số lĩnh vực: xuất bản, sản xuất bản ghi âm, ghi hình, phát thanh, truyền hình, trên internet...</p> <p><b>2C2.</b> Đánh giá được tiêu chí phân loại tác phẩm trong Luật SHTT. Đưa ra được một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi quyền tác giả và quyền liên quan ở Việt Nam.</p> <p><b>2C3.</b> Nêu được quan điểm cá nhân về khái niệm tác phẩm phái sinh; khái niệm đồng tác giả... Luận giải được lý do của quy định về giới hạn quyền tác giả, quyền liên quan.</p>

	<p>giả. Trình bày được thời hạn bảo hộ quyền tác giả</p> <p><b>2A5.</b> Nêu được điều kiện đối với chủ thể, chủ sở hữu của quyền tác giả, quyền liên quan</p> <p><b>2A6.</b> Biết được cách tính thời hạn bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan</p>	<p>tác giả trong các trường hợp cụ thể.</p> <p><b>2B5.</b> Phân biệt được các loại chủ sở hữu quyền tác giả. Nêu được ví dụ về các trường hợp sử dụng tác phẩm không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao.</p> <p><b>2B6.</b> Phân biệt được trường hợp tác phẩm thuộc sở hữu nhà nước và tác phẩm thuộc về công chúng. Vận dụng được kiến thức để tính thời hạn bảo hộ quyền tác giả trong các trường hợp cụ thể</p>	<p><b>2C4.</b> Bình luận được những quy định thay đổi về thời hạn bảo hộ quyền tác giả trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT (điểm a khoản 2 Điều 27).</p>
<p><b><u>Vấn đề 3:</u></b> <b>Sáng chế</b></p>	<p><b>3A1.</b> Nêu được khái niệm sáng chế.</p> <p><b>3A2.</b> Nêu được 3 điều kiện bảo hộ đối với sáng chế;</p> <p><b>3A3.</b> Nêu được các đối tượng không được bảo hộ là sáng chế.</p> <p><b>3A4.</b> Nêu được cách xác lập quyền bảo hộ đối với sáng chế.</p> <p><b>3A5.</b> Nêu được các chủ thể có quyền đăng ký sáng chế.</p> <p><b>3A6.</b> Nêu được đối tượng không được bảo hộ sáng chế.</p> <p><b>3.A.7.</b> Nắm được quy trình xác lập, giới hạn, nội dung quyền đối với sáng chế</p>	<p><b>3B1.</b> Phân tích được 3 đặc điểm của sáng chế. Phân biệt chuyển giao quyền đăng kí và chuyển giao quyền SHCN.</p> <p><b>3B2.</b> Lấy được ví dụ về các loại sáng chế là sản phẩm (dạng vật thể, dạng chất thể, dạng vật liệu sinh học); và sáng chế quy trình.</p> <p><b>3B3.</b> Phân biệt được sáng chế với phát minh. Lấy được ví dụ về việc áp dụng nguyên tắc nộp đơn đầu tiên, nguyên tắc ưu tiên.</p> <p><b>3B4.</b> Phân biệt, nêu được mối quan hệ giữa nguyên tắc nộp đơn đầu tiên và nguyên tắc ưu tiên.</p> <p><b>3B5.</b> Lấy được ví dụ để chứng minh về tính mới của sáng chế.</p> <p><b>3B6.</b> So sánh được điều kiện về tính sáng tạo của sáng chế và tính sáng tạo</p>	<p><b>3C1.</b> Lý giải được tại sao sáng chế có thể được bảo hộ dưới hình thức cấp bằng độc quyền sáng chế hoặc bằng độc quyền giải pháp hữu ích.</p> <p><b>3C2.</b> So sánh được điều kiện bảo hộ sáng chế trong Luật SHTT Việt Nam với điều kiện bảo hộ sáng chế trong Hiệp định TRIPs và pháp luật một số quốc gia.</p> <p><b>3C3.</b> Chỉ ra được một số hình thức pháp lý khác bảo hộ cho hình dáng bên ngoài của sản phẩm; đưa ra được nhận xét về đặc trưng, ưu điểm của mỗi hình thức bảo hộ.</p>

		<p>của kiểu dáng công nghiệp.</p> <p><b>3B7.</b> Vận dụng được kiến thức đã học để xem xét việc áp dụng nguyên tắc nộp đơn đầu tiên và nguyên tắc ưu tiên trong từng tình huống cụ thể</p>	
<p><b><u>Vấn đề 4:</u></b> <b><i>Kiểu dáng công nghiệp</i></b></p>	<p><b>4A1.</b> Nêu được khái niệm kiểu dáng công nghiệp.</p> <p><b>4A2.</b> Nêu được 3 điều kiện bảo hộ đối với kiểu dáng công nghiệp.</p> <p><b>4A3.</b> Nêu được các đối tượng không được bảo hộ với danh nghĩa là kiểu dáng công nghiệp</p> <p><b>4A4.</b> Nêu được chủ thể của quyền sở hữu của kiểu dáng công nghiệp.</p> <p><b>4A5.</b> Nêu được cách xác lập quyền và các thủ tục sau khi xác lập quyền.</p> <p><b>4A5.</b> Nêu được hành vi vi phạm kiểu dáng công nghiệp và biện pháp xử lý.</p>	<p><b>4B1.</b> Phân tích được 3 đặc điểm của kiểu dáng công nghiệp.</p> <p><b>4B2.</b> Lấy được ví dụ về các loại kiểu dáng công nghiệp.</p> <p><b>4B3.</b> Phân tích được tính mới của kiểu dáng công nghiệp. Sự khác biệt giữa kiểu dáng công nghiệp với một số đối tượng của QSHTT.</p> <p><b>4B4.</b> Lấy được ví dụ để chứng minh về tính mới của kiểu dáng công nghiệp, nguyên tắc nộp đơn đầu tiên, nguyên tắc ưu tiên.</p> <p><b>4B5.</b> Lấy được ví dụ về các đối tượng không được bảo hộ là kiểu dáng công nghiệp theo Điều 64 Luật SHTT. Phân biệt được hành vi vi phạm kiểu dáng công nghiệp để vận dụng giải quyết tình huống cụ thể.</p>	<p><b>4C1.</b> Lý giải được tại sao kiểu dáng công nghiệp có thể được bảo hộ dưới hình thức cấp bằng độc quyền.</p> <p><b>4C2.</b> So sánh được điều kiện bảo kiểu dáng công nghiệp trong Luật SHTT Việt Nam với điều kiện bảo hộ trong Hiệp định TRIPs và pháp luật một số quốc gia.</p> <p><b>4C3.</b> Chỉ ra được một số hình thức pháp lý khác bảo hộ cho hình dáng bên ngoài của sản phẩm; đưa ra được nhận xét về đặc trưng, ưu điểm của mỗi hình thức bảo hộ. Phân tích được ý nghĩa của việc tra cứu thông tin kiểu dáng công nghiệp.</p>
<p><b><u>Vấn đề 5:</u></b> <b><i>Nhãn hiệu</i></b></p>	<p><b>5A1.</b> Nêu được khái niệm nhãn hiệu.</p> <p><b>5A2.</b> Nêu được 3 dạng dấu hiệu có thể</p>	<p><b>5B1.</b> Phân biệt được các khái niệm: “nhãn hiệu”; “nhãn hàng hoá”; “thương hiệu”.</p>	<p><b>5C1.</b> Chỉ ra được các chức năng của nhãn hiệu.</p> <p><b>5C2.</b> Lý giải được tại</p>

	<p>cấu thành nên nhãn hiệu.</p> <p><b>5A3.</b> Phát biểu được 2 điều kiện bảo hộ đối với nhãn hiệu.</p> <p><b>5A4.</b> Trình bày được các trường hợp dấu hiệu không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu.</p> <p><b>5A5.</b> Liệt kê và lấy được ví dụ về các loại nhãn hiệu: nhãn hiệu hàng hoá, nhãn hiệu dịch vụ, nhãn hiệu liên kết, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu nổi tiếng.</p> <p><b>5A6.</b> Trình bày được các tiêu chí để đánh giá nhãn hiệu nổi tiếng.</p> <p><b>5A7.</b> Nêu được các chủ thể có quyền đăng kí nhãn hiệu thường, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận.</p> <p><b>5A8.</b> Trình bày được các cách xác lập quyền bảo hộ, thời hạn bảo hộ, giới hạn quyền bảo hộ...</p> <p><b>5A9.</b> Nêu được hành vi xâm phạm quyền bảo hộ nhãn hiệu và biện pháp xử lý.</p>	<p><b>5B2.</b> Lấy được ví dụ cho các trường hợp loại trừ: nhãn hiệu bị coi là không có khả năng tự phân biệt.</p> <p><b>5B3.</b> Nhận diện được các trường hợp nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt.</p> <p><b>5B4.</b> So sánh được sự khác biệt giữa nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận với nhãn hiệu thông thường.</p> <p><b>5B5.</b> Phân biệt được nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận.</p> <p><b>5B6.</b> Vận dụng được kiến thức đã học để xem xét việc áp dụng nguyên tắc nộp đơn đầu tiên và nguyên tắc ưu tiên trong từng tình huống cụ thể</p>	<p>sao phần lớn các quốc gia, trong đó có Việt Nam chỉ bảo hộ cho các nhãn hiệu là “<i>dấu hiệu nhìn thấy được</i>”.</p> <p><b>5C3.</b> Đưa ra được nhận xét về mối tương quan trong việc bảo hộ nhãn hiệu với bảo hộ các đối tượng khác (tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, kiểu dáng công nghiệp...).</p> <p><b>5C4.</b> Đánh giá được tính tương thích giữa Điều 72 Luật SHTT và khoản 1 Điều 15 Hiệp định TRIPS về điều kiện bảo hộ nhãn hiệu.</p> <p><b>5C5.</b> Nhận xét và chỉ ra được sự khác biệt trong việc bảo hộ nhãn hiệu thông thường và nhãn hiệu nổi tiếng; lý giải được nguyên nhân của sự khác biệt.</p>
<p><b><u>Vấn đề 6:</u></b> <b><i>Chỉ dẫn địa lý và thiết</i></b></p>	<p><b>6A1.</b> Nêu được khái niệm chỉ dẫn địa lý và thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn.</p>	<p><b>6B1.</b> Phân tích được điều kiện về khả năng phân biệt của tên thương mại.</p> <p><b>6B2.</b> Phân biệt được tên</p>	<p><b>6C1.</b> Liên hệ với quy định về đăng ký tên thương mại trong văn bản về đăng ký kinh</p>



<p><b>kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn</b></p>	<p><b>6A2.</b> Trình bày được điều kiện bảo hộ đối với chỉ dẫn địa lý và thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn.</p> <p><b>6A3.</b> Nêu được chủ thể có quyền nộp đơn; Quy trình cấp văn bằng bảo hộ đối với chỉ dẫn địa lý và thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn.</p> <p><b>6A4.</b> Trình bày được chủ văn bằng, thời hạn bảo hộ, quyền của chủ văn bằng và chấm dứt, hủy bỏ văn bằng.</p>	<p>thương mại với tên doanh nghiệp; tên thương mại với các dấu hiệu khác như nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý.</p> <p><b>6B3.</b> Phân biệt được “chỉ dẫn địa lý” với “chỉ dẫn nguồn gốc”, “tên gọi xuất xứ”.</p> <p><b>6B4.</b> Phân tích được thể nào là điều kiện địa lý.</p> <p><b>6B5.</b> Nêu được 2 tiêu chí để xác định khu vực địa lý mang chỉ dẫn địa lý.</p> <p><b>6B6.</b> Nêu được ví dụ thực tế về những chỉ dẫn địa lý của Việt Nam và của nước ngoài đã được đăng kí bảo hộ tại Việt Nam.</p>	<p>doanh, đưa ra được nhận xét, bình luận cá nhân về quy định của Luật SHTT và pháp luật thương mại về vấn đề này.</p> <p><b>6C2.</b> Đưa ra được nhận xét về các hình thức bảo hộ đối với các dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý: Bảo hộ chỉ dẫn địa lý? Bảo hộ nhãn hiệu tập thể? Bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận?</p> <p><b>6C3.</b> Nêu được ý nghĩa của việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý.</p>
<p><b><u>Vấn đề 7:</u></b> <b>Tên thương mại và bí mật kinh doanh</b></p>	<p><b>7A1.</b> Nêu được khái niệm tên thương mại, bí mật kinh doanh.</p> <p><b>7A2.</b> Nhận biết được thành phần mô tả và thành phần phân biệt trong tên thương mại và phân loại bí mật kinh doanh.</p> <p><b>7A3.</b> Trình bày được điều kiện bảo hộ đối với tên thương mại, bí mật kinh doanh.</p> <p><b>7A4.</b> Nêu được quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu tên thương mại, bí mật kinh doanh.</p> <p><b>7A5.</b> Trình bày được cách xác lập QSHCN đối với bí mật kinh doanh</p> <p><b>7A6.</b> Nêu được chủ sở hữu, thời hạn bảo hộ, quyền của chủ sở</p>	<p><b>7B1.</b> Phân tích được điều kiện về khả năng phân biệt của tên thương mại.</p> <p><b>7B2.</b> Phân biệt được tên thương mại với tên doanh nghiệp; tên thương mại với các dấu hiệu khác như nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý.</p> <p><b>7B3.</b> Phân biệt được “chỉ dẫn địa lý” với “chỉ dẫn nguồn gốc”, “tên gọi xuất xứ”.</p> <p><b>7B4.</b> Nêu được ví dụ thực tế về tên thương mại hoặc bí mật kinh doanh Việt Nam và của nước ngoài.</p>	<p><b>7C1.</b> Liên hệ với quy định về đăng ký tên thương mại trong văn bản về đăng ký kinh doanh, đưa ra được nhận xét, bình luận cá nhân về quy định của Luật SHTT và pháp luật thương mại về vấn đề này.</p> <p><b>7C2.</b> Nêu được ý nghĩa của việc bảo hộ tên thương mại và bí mật kinh doanh</p>

	hữu		
<b><i>Vấn đề 8:</i></b> <b><i>Bảo vệ và chuyển giao quyền SHCN</i></b>	<p><b>8A1.</b> Nêu được khái niệm bảo vệ, chuyển giao quyền SHCN. Kể tên được các biện pháp bảo vệ quyền SHCN.</p> <p><b>8A2.</b> Trình bày được chủ thể được tiến hành các biện pháp bảo vệ đó.</p> <p><b>8A3.</b> Trình bày được các biện pháp tự bảo vệ của chủ thể quyền SHTT.</p> <p><b>8A4.</b> Nêu được các biện pháp dân sự được toà án áp dụng để xử lý cá nhân, tổ chức vi phạm quyền SHTT.</p> <p><b>8A5.</b> Trình bày được cách xác định thiệt hại do xâm phạm quyền SHTT.</p> <p><b>8A6.</b> Trình bày được các hành vi xâm phạm quyền SHTT bị xử phạt hành chính.</p> <p><b>8A7.</b> Nêu được các cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp hành chính để xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT.</p> <p><b>8A8.</b> Kể tên các hình thức xử phạt hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi xâm phạm quyền SHTT.</p>	<p><b>8B1.</b> Phân tích được thẩm quyền của toà án trong việc giải quyết tranh chấp về SHTT.</p> <p><b>8B2.</b> Áp dụng được kiến thức đã học để xác định và tính toán thiệt hại trong các vụ việc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.</p> <p><b>8B3.</b> So sánh được nghĩa vụ chứng minh của nguyên đơn và bị đơn trong vụ kiện xâm phạm quyền SHTT.</p> <p><b>8B4.</b> Phân biệt và nhận diện được các dạng hàng hoá giả mạo về SHTT.</p> <p><b>8B5.</b> Áp dụng được kiến thức đã học để tư vấn về việc lựa chọn phương thức bảo vệ phù hợp trong các tình huống thực tế.</p> <p><b>8B6.</b> So sánh được giữa giám định SHTT và giám định tư pháp, giám định thương mại.</p>	<p><b>8C1.</b> Nhận xét được ưu điểm và hạn chế của biện pháp tự bảo vệ.</p> <p><b>8C2.</b> Nhận xét được ưu điểm và hạn chế của biện pháp dân sự trong việc bảo vệ quyền SHTT.</p> <p><b>8C3.</b> Đưa ra được luận giải tại sao biện pháp dân sự hiện nay chưa được áp dụng phổ biến để giải quyết tranh chấp về SHTT tại Việt Nam.</p> <p><b>8C5.</b> Nhận xét được ý nghĩa của việc toà án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.</p> <p><b>8C6.</b> Đưa ra được quan điểm cá nhân về quy định hiện nay của luật SHTT và luật tố tụng dân sự liên quan đến biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo vệ quyền SHTT.</p> <p><b>8C7.</b> Nêu được vai trò của giám định SHTT trong việc bảo vệ quyền SHTT.</p> <p><b>8C8.</b> Đưa ra được một số nhận xét và phân tích được về các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về bảo vệ quyền SHTT.</p>

	<p><b>8A9.</b> Nêu được các tội danh liên quan đến hành vi xâm phạm quyền SHTT được quy định trong Bộ luật hình sự.</p> <p><b>8A10.</b> Nêu được nội dung và lĩnh vực giám định SHTT.</p> <p><b>8A11.</b> Liệt kê được các chủ thể có thẩm quyền trung cầu giám định và có quyền yêu cầu giám định.</p> <p><b>8A12.</b> Nêu được các điều kiện đối với tổ chức giám định SHTT.</p>		
<p><b><i>Vấn đề 9:</i></b> <b><i>Quyền đối với giống cây trồng</i></b></p>	<p><b>9A1.</b> Trình bày được đối tượng và điều kiện bảo hộ đối với giống cây trồng.</p> <p><b>9A2.</b> Nêu được trình tự, thủ tục xác lập quyền đối với giống cây trồng.</p> <p><b>9A3.</b> Nêu được chủ thể của quyền đối với giống cây trồng.</p>	<p><b>9B1.</b> Lấy được ví dụ về 2 loại giống cây trồng được bảo hộ: giống cây trồng được chọn tạo và giống cây trồng được phát hiện và phát triển.</p> <p><b>9B2.</b> Cho ví dụ để chứng minh tính mới của giống cây trồng.</p> <p><b>9B3.</b> Xác định được các loại giống cây được bảo hộ theo Luật SHTT.</p> <p><b>9B4.</b> Xác định hành vi bị coi là xâm phạm quyền đối với giống cây trồng.</p> <p><b>9B5.</b> Phân tích được các giới hạn quyền tác giả giống cây trồng.</p>	<p><b>9C1.</b> Trình bày được ý nghĩa của việc bảo hộ quyền đối với giống cây trồng mới.</p> <p><b>9C2.</b> Giải thích được lý do không thiết lập hệ thống quy định pháp luật về bảo vệ giống vật nuôi mới như đối với giống cây trồng mới.</p> <p><b>9C3.</b> Phân biệt được sự khác nhau giữa bảo hộ sáng chế và bảo hộ giống cây trồng.</p>

#### 4. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY - HỌC

##### 4.1. Lịch trình chung

Số Tiết	VD	Hình thức tổ chức dạy-học			
		Lí thuyết	Seminar	LVN	Tự học
30	09	13	12		5

#### 4.2. Lịch trình cụ thể

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên
<b>Tiết 1-3</b>	<p><b>Vấn đề 1: Giới thiệu tổng quan về quyền SHTT</b></p> <p>1.1. Khái niệm và đặc điểm của quyền SHTT</p> <p>1.1.1. Khái niệm quyền SHTT</p> <p>1.1.2. đặc điểm của quyền SHTT</p> <p>1.2. Các bộ phận cấu thành của quyền SHTT</p> <p>1.2.1. Quyền tác giả và quyền liên quan</p> <p>1.2.2. Quyền SHCN</p> <p>1.2.3. Quyền đối với giống cây trồng</p> <p>1.3. Hệ thống pháp luật SHTT quốc tế và Việt Nam</p> <p>1.3.1. Hệ thống pháp luật SHTT quốc tế</p> <p>1.3.1.1. Sơ lược quá trình phát triển của hệ thống SHTT thế giới</p> <p>1.3.1.2. Các điều ước quốc tế về SHTT mà Việt Nam là thành viên</p> <p>1.3.2. Hệ thống pháp luật SHTT Việt Nam</p> <p>1.3.2.1. Sơ lược quá trình phát triển của hệ thống pháp luật SHTT Việt Nam</p> <p>1.3.2.2. Nguồn cơ bản của pháp luật SHTT Việt Nam</p> <p>1.4. Vai trò của quyền SHTT đối với sự phát triển kinh tế, xã hội</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Diễn giảng</li> <li>- Đặt câu hỏi, nêu tình huống</li> <li>- Hướng dẫn sinh viên thảo luận, giải quyết tình huống.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng, ghi chép, đặt câu hỏi (nếu có).</li> <li>- Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống.</li> </ul>
<b>Tiết</b>	<b>Vấn đề 2: Quyền tác giả và quyền liên</b>	- Diễn giảng	Nghe giảng, ghi

<p>4-6</p>	<p><b>quan</b></p> <p><b>2.1. Quyền tác giả</b></p> <p>2.1.1. Khái niệm tác giả, tác phẩm</p> <p>2.1.2. Đặc điểm, phân loại</p> <p>2.1.3. Chủ thể của QHPLDS về quyền tác giả</p> <p>2.1.4. Đối tượng của QHPLDS về quyền tác giả</p> <p>2.1.5. Nội dung QHPLDS của quyền tác giả</p> <p>2.1.6. Chủ sở hữu quyền tác giả</p> <p>2.1.7. Các trường hợp giới hạn quyền tác giả</p> <p>2.1.8. Thời hạn bảo hộ quyền tác giả</p> <p><b>2.2. Quyền liên quan</b></p> <p>2.2.1. Khái niệm</p> <p>2.2.2. Đặc điểm</p> <p>2.2.3. Chủ thể QHPLDS về quyền liên quan</p> <p>2.2.4. Đối tượng của QHPLDS về quyền liên quan</p> <p>2.2.5. Nội dung QHPLDS của quyền liên quan</p> <p>2.2.6. Giới hạn quyền liên quan</p> <p>2.2.7. Thời hạn bảo hộ quyền liên quan</p> <p><b>2.3. Xác lập, chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan</b></p> <p>2.3.1. Xác lập quyền tác giả, quyền liên quan</p> <p>2.3.1.1. Xác lập tự động</p> <p>2.3.1.2. Đăng kí quyền tác giả, quyền liên quan</p> <p>2.3.2. Chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan</p> <p>2.3.2.1. Chuyển nhượng quyền tác giả, quyền liên quan</p> <p>2.3.2.2. Chuyển quyền sử dụng quyền tác</p>	<p>- GV tổ chức cho sinh viên báo cáo nhóm theo chủ đề đã giao, điều khiển các nhóm đặt câu hỏi, phản biện lẫn nhau; GV đặt câu hỏi/ tình huống.</p> <p>- Nhận xét buổi báo cáo nhóm</p> <p>- Hướng dẫn sinh viên thảo luận, giải quyết tình huống.</p>	<p>chép, đặt câu hỏi (nếu có).</p> <p>Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống</p>
------------	---	---	--

	giả, quyền liên quan <b>2.3. Hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan</b>		
<b>Tiết 7-9</b>	<b>Vấn đề 3: Sáng chế</b> <b>3.1. Khái niệm sáng chế</b> <b>3.2. Khái niệm bảo hộ sáng chế và ý nghĩa của việc bảo hộ sáng chế</b> <b>3.3. Chủ thể của quyền SHCN đối với sáng chế</b> <b>3.4. Điều kiện bảo hộ sáng chế</b> 3.4.1. Tính mới của sáng chế 3.4.2. Tính sáng tạo 3.4.3. Khả năng áp dụng công nghiệp <b>3.5. Các đối tượng không được bảo hộ sáng chế</b> <b>3.6. Quy trình xác lập quyền đối với sáng chế</b> 3.6.1. Căn cứ xác lập 3.6.2. Quyền nộp đơn, cách thức nộp đơn yêu cầu cấp quyền độc quyền sáng chế 3.6.3. Nguyên tắc nộp đơn đầu tiên 3.6.4. Nguyên tắc ưu tiên 3.6.5. Các yêu cầu đối với đơn đăng ký sáng chế 3.6.6. Tách đơn, chuyển giao đơn đăng ký sáng chế 3.6.7. Quy trình xử lý đơn và cấp văn bằng bảo hộ <b>3.7 Nội dung quyền của chủ sở hữu sáng chế</b> 3.7.1. Quyền sử dụng sáng chế 3.7.2. Quyền ngăn cấm người khác sử dụng sáng chế trừ ngoại lệ 3.7.3. Quyền định đoạt sáng chế 3.7.4. Quyền tạm thời <b>3.8. Hạn chế quyền đối với sáng chế</b>	- Theo dõi nhóm báo cáo - Đặt câu hỏi, nêu tình huống - Hướng dẫn, giải đáp tình huống - GV tổ chức cho sinh viên báo cáo nhóm theo chủ đề đã giao, điều khiển các nhóm đặt câu hỏi, phản biện lẫn nhau; GV đặt câu hỏi; - GV nhận xét bài báo cáo và tóm lược lại nội dung kiến thức.	- Báo cáo nhóm - Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống - Đặt câu hỏi (nếu có)

	<p>3.8.1. Quyền của người sử dụng trước đối với sáng chế</p> <p>3.8.2. Thực hiện các nghĩa vụ của chủ sở hữu sáng chế</p> <p>3.8.3. Chuyển giao quyền sử dụng sáng chế</p>		
<p><b>Tiết 10 – 12</b></p>	<p><b>Vấn đề 4: Kiểu dáng công nghiệp</b></p> <p><b>4.1. Khái niệm kiểu dáng công nghiệp</b></p> <p><b>4.2. Sự khác biệt của kiểu dáng công nghiệp với một số đối tượng của QSHTT</b></p> <p>4.2.1. Kiểu dáng công nghiệp và quyền tác giả</p> <p>4.2.2. Kiểu dáng công nghiệp với sáng chế, giải pháp hữu ích</p> <p>4.2.3. Kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu hàng hóa</p> <p><b>4.3. Các điều kiện được công nhận là kiểu dáng công nghiệp</b></p> <p>4.3.1. Tính mới</p> <p>4.3.2. Tính sáng tạo</p> <p>4.3.3. Khả năng áp dụng công nghiệp</p> <p>4.3.4. Các đối tượng không được bảo hộ với danh nghĩa là kiểu dáng công nghiệp</p> <p><b>4.4. Chủ thể của quyền sở hữu của kiểu dáng công nghiệp</b></p> <p>4.4.1. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu</p> <p>4.4.2. Hạn chế/giới hạn quyền của chủ sở hữu</p> <p>4.4.3. Quyền của tác giả kiểu dáng công nghiệp</p> <p><b>4.5. Xác lập quyền</b></p> <p>4.5.1. Căn cứ phát sinh quyền</p> <p>4.5.2. Quyền đăng ký kiểu dáng công nghiệp</p> <p>4.5.3. Đơn đăng ký xác lập quyền</p> <p>4.5.4. Nguyên tắc nộp đơn đầu tiên, nguyên tắc ưu tiên</p>	<p>- Tổ chức, theo dõi, nhóm báo cáo.</p> <p>- Đặt câu hỏi, nêu tình huống.</p> <p>- Hướng dẫn, giải đáp tình huống.</p> <p>- Nhận xét nhóm báo cáo và tóm lại vấn đề trọng tâm.</p>	<p>- Báo cáo nhóm</p> <p>- Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống</p> <p>- Nghe giảng</p>

	<p>4.5.5. Quy trình xử lý đơn</p> <p>4.5.6. Sửa đổi, bổ sung, tách, chuyển đổi đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp</p> <p>4.5.7. Rút đơn</p> <p>4.5.8. Cấp, từ chối cấp bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp</p> <p>4.5.9. Khiếu nại về việc xác lập quyền</p> <p><b>4.6. Thủ tục sau xác lập quyền</b></p> <p>4.6.1. Sửa đổi văn bằng</p> <p>4.6.2. Gia hạn hiệu lực</p> <p>4.6.3. Chấm dứt, hủy bỏ văn bằng</p>		
<b>Tiết 13-15</b>	<p><b>Vấn đề 5: Nhãn hiệu</b></p> <p><b>5.1. Khái niệm nhãn hiệu</b></p> <p>5.1.1. Khái niệm nhãn hiệu</p> <p>5.1.2. Chức năng của nhãn hiệu</p> <p><b>5.2. Điều kiện bảo hộ nhãn hiệu</b></p> <p>5.2.1. Nhãn hiệu trước tiên phải là dấu hiệu</p> <p>5.2.2. Các dấu hiệu phải có khả năng phân biệt</p> <p>5.2.3. Các dấu hiệu không được bảo hộ là nhãn hiệu</p> <p><b>5.3. Chủ thể có quyền nộp đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu</b></p> <p><b>5.4. Phân loại nhãn hiệu</b></p> <p>5.4.1. Nhãn hiệu hàng hoá và nhãn hiệu dịch vụ</p> <p>5.4.2. Nhãn hiệu liên kết</p> <p>5.4.3. Nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận</p> <p>5.4.4. Nhãn hiệu nổi tiếng</p> <p><b>5.5. Đăng ký xác lập quyền đối với nhãn hiệu</b></p> <p>5.5.1. Cách thức nộp đơn và đơn đăng ký bảo hộ</p> <p>5.5.2. Xử lý đơn đăng ký</p>	<p>- Theo dõi, nhận xét, góp ý và đặt câu hỏi/tình huống cho nhóm báo cáo.</p> <p>- Hướng dẫn sinh viên giải quyết tình huống. Nhấn mạnh các nội dung trọng tâm.</p> <p>- Giải đáp thắc mắc (nếu có).</p>	<p>- Báo cáo nhóm</p> <p>- Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống.</p> <p>- Giải quyết tình huống.</p> <p>- Đặt câu hỏi (nếu có).</p>



	<p><b>5.6. Chấm dứt hiệu lực và hủy bỏ hiệu lực của văn bằng bảo hộ</b></p> <p>5.6.1. Chấm dứt hiệu lực</p> <p>5.6.2. Hủy bỏ văn bằng bảo hộ</p> <p><b>5.7. Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu theo thỏa ước và nghị định thư Madrid</b></p> <p><b>5.8. Chủ sở hữu, thời hạn bảo hộ, quyền và hạn chế quyền của chủ văn bằng</b></p>		
<b>Tiết 16-18</b>	<p><b>Vấn đề 6: Chỉ dẫn địa lý và thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn</b></p> <p><b>6.1. Chỉ dẫn địa lý</b></p> <p>6.1.2. Khái niệm</p> <p>6.1.3. Điều kiện bảo hộ</p> <p>6.1.4. Chủ thể có quyền nộp đơn</p> <p>6.1.5. Quy trình cấp văn bằng bảo hộ</p> <p>6.1.6. Chủ văn bằng, thời hạn bảo hộ, quyền của chủ văn bằng và chấm dứt, hủy bỏ văn bằng</p> <p><b>6.2. Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn</b></p> <p>6.2.1. Khái niệm</p> <p>6.2.2. Điều kiện bảo hộ</p> <p>6.2.3. Xác lập QSHCN đối với thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn</p> <p>6.2.4. Chủ sở hữu, thời hạn bảo hộ, quyền của chủ sở hữu đối với thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn</p>	<p>- Theo dõi nhóm báo cáo</p> <p>- Đặt câu hỏi, nêu tình huống</p> <p>- Hướng dẫn, giải quyết tình huống</p> <p>- Nhận xét nhóm báo cáo và tóm lại vấn đề trọng tâm</p>	<p>- Báo cáo nhóm</p> <p>- Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống</p> <p>- Nghe giảng, ghi chép</p>
<b>Tiết 19-21</b>	<p><b>Vấn đề 7: Tên thương mại và bí mật kinh doanh</b></p> <p><b>7.1. Tên thương mại</b></p> <p>7.1.1. Khái niệm</p> <p>7.1.2. Điều kiện bảo hộ tên thương mại</p> <p>7.1.3. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu tên thương mại</p> <p><b>7.2. Bí mật kinh doanh</b></p>	<p>- Diễn giảng</p> <p>- Đặt câu hỏi, nêu tình huống</p> <p>- Hướng dẫn, giải quyết tình huống</p>	<p>- Nghe giảng</p> <p>- Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống</p>

	<p>7.2.1. Khái niệm</p> <p>7.2.2. Điều kiện bảo hộ bí mật kinh doanh</p> <p>7.2.3. Phân loại hộ bí mật kinh doanh</p> <p>7.2.3. Xác lập QSHCN đối với hộ bí mật kinh doanh</p> <p>7.2.4. Chủ sở hữu, thời hạn bảo hộ, quyền của chủ sở hữu</p>	<p>- Nhận xét nhóm báo cáo và tóm lại vấn đề trọng tâm.</p> <p>- Giải đáp thắc mắc (nếu có).</p>	<p>- Nhóm báo cáo</p> <p>- Đặt câu hỏi (nếu có).</p>
<p><b>Tiết 22-24</b></p>	<p><b>Vấn đề 8: Bảo vệ và chuyển giao quyền SHCN</b></p> <p><b>8.1. Khái niệm bảo vệ QSHCN</b></p> <p><b>8.2. Xác lập QSHCN</b></p> <p>8.2.1. Xác lập quyền SHCN trên cơ sở đăng kí và được cấp văn bằng bảo hộ</p> <p>8.2.2. Quyền đăng kí đối tượng SHCN</p> <p>8.2.3. Nguyên tắc đăng kí</p> <p>8.2.4. Trình tự, thủ tục đăng kí quyền SHCN</p> <p>8.2.5. Văn bằng bảo hộ</p> <p>8.2.6. Xác lập quyền SHCN trên cơ sở thực tiễn sử dụng</p> <p>8.2.7. Thời hạn bảo hộ đối tượng SHCN</p> <p><b>8.3. Chuyển giao QSHCN</b></p> <p>8.3.1. Chủ thể của QSHCN</p> <p>8.3.2. Nội dung QSHCN</p> <p>8.3.3. Các trường hợp giới hạn QSHCN</p> <p>8.3.4. Chuyển giao QSHCN</p> <p><b>8.4. Các hành vi xâm phạm QSHCN</b></p> <p>8.4.1. Căn cứ xác định hành vi xâm phạm QSHCN</p> <p>8.4.2. Hành vi xâm phạm quyền đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp</p> <p>8.4.3. Hành vi xâm phạm quyền đối với bí mật kinh doanh</p> <p>8.4.4. Hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý</p> <p>8.4.5. Hành vi cạnh tranh không lành mạnh</p> <p><b>8.5. Các biện pháp xử lý hành vi xâm</b></p>	<p>- Theo dõi, nhận xét, góp ý và đặt câu hỏi/tình huống cho nhóm báo cáo.</p> <p>- Hướng dẫn sinh viên giải quyết tình huống. Nhấn mạnh các nội dung trọng tâm.</p> <p>- Giải đáp thắc mắc (nếu có).</p>	<p>- Báo cáo nhóm</p> <p>- Thảo luận/Trả lời câu hỏi/ giải quyết tình huống.</p> <p>- Giải quyết tình huống.</p> <p>- Đặt câu hỏi (nếu có).</p>

	<p><i>phạm QSHCN</i></p> <p>8.5.1. Biện pháp dân sự</p> <p>8.5.2. Biện pháp hành chính</p> <p>8.3.4. Biện pháp hình sự</p> <p>8.3.5. Biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất nhập khẩu liên quan đến SHCN</p>		
<b>Tiết 25-27</b>	<p><b>Vấn đề 9: Quyền đối với giống cây trồng</b></p> <p><b>9.1. Khái niệm</b></p> <p><b>9.2. Chủ thể quan hệ pháp luật dân sự</b></p> <p><b>9.3. Đối tượng, quan hệ pháp luật dân sự và quy trình cấp văn bằng bảo hộ đối với giống cây trồng</b></p> <p>9.3.1. Tiêu chuẩn bảo hộ giống cây trồng</p> <p>9.3.2. Đăng ký quyền đối với giống cây trồng</p> <p>9.3.3. Đơn yêu cầu bảo hộ</p> <p><b>9.4. Nội dung, giới hạn quyền của chủ sở hữu giống cây trồng</b></p> <p><b>9.5. Chuyển giao quyền đối với giống cây trồng</b></p> <p><b>9.6. Hành vi xâm phạm quyền đối với giống cây trồng</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên chốt lại vấn đề trọng tâm của môn</li> <li>- Giải đáp thắc mắc.</li> <li>- Đưa bài tập tình huống</li> <li>- Hướng dẫn và giải quyết tình huống</li> <li>- Cho lớp làm bài kiểm tra</li> </ul>	<p>Nghe giảng, ghi chép.</p> <p>Đặt câu hỏi (nếu có).</p> <p>Thảo luận giải quyết bài tập tình huống.</p> <p>Làm kiểm tra</p>
<b>Tiết 28-30</b>	<b>Ôn tập kết thúc môn</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho lớp làm bài kiểm tra</li> <li>- Tóm lược các nội dung cơ bản, giải đáp thắc mắc.</li> <li>- Ôn thi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm kiểm tra</li> <li>- Ghi chép, lắng nghe; đặt các câu hỏi (nếu có).</li> </ul>

## 5. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
1	<b>Chuyên</b>	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ	10

	<b>cần</b>		học.	
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Sinh viên vắng một tiết học bị trừ một điểm.	10
2	<b>Thường xuyên</b>	15	- Sinh viên làm 01 bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Đúng nội dung đáp án: 7.0 điểm + Trình bày rõ ràng, súc tích: 1.0 điểm + Lập luận khoa học, logic: 2.0 điểm <b>Tổng: 10 điểm</b>	10
		15	- Sinh viên làm 01 bài báo cáo nhóm - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo. + Xác định vấn đề rõ ràng, hợp lý, khả thi: 2.0 điểm + Phân tích logic, sâu sắc, có liên hệ thực tế: 4.0 điểm + Chuẩn bị chu đáo, cẩn thận: 1.0 điểm + Trả lời chính xác các câu hỏi trong buổi báo cáo: 1.0 điểm + Trình bày báo cáo rõ ràng, lôi cuốn: 1.0 điểm + Hình thức sáng tạo: 1.0 điểm <b>Tổng: 10 điểm</b>	10
3	<b>Thi kết thúc HP</b>	50	+ Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Thi tự luận (thời gian 60 phút) + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của đề thi.	10

## 6. HỌC LIỆU

### A. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẮT BUỘC

1. Trường Đại học Luật TP.HCM (2016), *Giáo trình luật sở hữu trí tuệ (tái bản có bổ sung)*, Nxb. Hồng Đức.
2. Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 sửa đổi bổ sung năm 2009.

**B. TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÔNG BẮT BUỘC**

1. Trường Đại học Luật TP.HCM (2017), *Sách tình huống Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam*, Nxb. Hồng Đức.
2. Bộ luật hình sự Việt Nam năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

*Cần Thơ, ngày      tháng      năm*

**HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**